

Số: 2314/TB-HĐTTVC

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2020

THÔNG BÁO

**Kết quả chấm phúc khảo bài thi Vòng 2 môn nghiệp vụ chuyên ngành
kỳ thi tuyển viên chức vào làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập
trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội**

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về việc Sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 6701/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch thi tuyển viên chức vào làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Hà Nội năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 658/QĐ-HĐTTVC ngày 03/6/2020 của Chủ tịch Hội đồng thi tuyển viên chức về việc Phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện thi Vòng 2 môn nghiệp vụ chuyên ngành kỳ thi tuyển viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở GDĐT Hà Nội năm 2019;

Căn cứ Thông báo số 2047/TB-HĐTTVC ngày 29/6/2020 của Hội đồng thi tuyển viên chức (TTVC) Sở GDĐT về việc thông báo kết quả thi Vòng 2 môn nghiệp vụ chuyên ngành kỳ thi tuyển viên chức vào làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở GDĐT Hà Nội;

Căn cứ Biên bản ngày 13/7/2020 của Ban Hồ sơ về việc tổng hợp nhận đơn phúc khảo bài thi Vòng 2 môn nghiệp vụ chuyên ngành;

Theo đề nghị của Ban chấm phúc khảo bài thi, Hội đồng TTVC Sở GDĐT thông báo kết quả chấm phúc khảo bài thi Vòng 2 môn nghiệp vụ chuyên ngành kỳ thi tuyển viên chức vào làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở GDĐT như sau:

1. Kết quả điểm chấm phúc khảo bài thi Vòng 2 môn nghiệp vụ chuyên ngành đối với 195 bài thi của thí sinh đề nghị phúc khảo bài thi

(danh sách kèm theo)

2. Yêu cầu đối với những thí sinh có kết quả điểm thi tuyển bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng

Để xác định người trúng tuyển đối với những thí sinh có kết quả điểm thi tuyển bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng, Hội đồng TTVC Sở GDĐT Hà Nội đề nghị thí sinh thuộc đối tượng này nộp các giấy tờ (phô tô có chứng thực hoặc công chứng) về Hội đồng:

- a) Văn bằng về trình độ đào tạo cao nhất theo vị trí tuyển dụng;
- b) Bảng kết quả học tập (bảng điểm) trong quá trình đào tạo theo vị trí tuyển dụng ở trình độ đào tạo cao nhất;
- c) Hợp đồng lao động, thỉnh giảng theo vị trí tuyển dụng ở các cơ sở giáo dục (nếu có);

- **Thời gian:** Từ ngày 22/7/2020 đến ngày 24/7/2020 (Sáng từ 8h00 đến 12h; Chiều từ 13h30 đến 17h30).

- **Địa điểm nhận:** Phòng Tổ chức cán bộ - Thường trực Hội đồng TTVC Sở GDĐT số 23, phố Quang Trung, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Chú ý: Trường hợp có từ 2 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng nhưng có kết quả điểm thi vòng 2 không bằng nhau thì không phải nộp các giấy tờ trên.

3. Thông báo Quyết định phê duyệt kết quả thi tuyển

- Thời gian: Ngày 29/7/2020;

- Nơi thông báo: Tại Cổng thông tin điện tử của ngành GDĐT, địa chỉ truy cập <http://hanoi.edu.vn> và tại Sở GDĐT số 23, phố Quang Trung, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Những nội dung chưa rõ, Hội đồng TTVC Sở GDĐT đề nghị tổ chức, cá nhân hoặc thí sinh dự thi liên hệ qua số điện thoại thường trực 02439386830 hoặc đến trực tiếp Hội đồng TTVC Sở GDĐT (số 23, phố Quang Trung, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)./. ✓

Nơi nhận:

- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Sở Nội vụ (để phối hợp);
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Hội đồng TTVC;
- Ban Giám sát kỳ thi tuyển viên chức;
- Cổng Thông tin điện tử của Ngành GDĐT;
- Cổng giao tiếp điện tử thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT, HĐTTVC. ✓



GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT HÀ NỘI
Chữ Xuân Dũng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN VIÊN CHỨC



KẾT QUẢ PHÚC KHẢO BÀI THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
(Kèm Theo Thông báo số **2314** /TB-HĐTTVC ngày 21/7/2020
của Hội đồng TTVC Sở GDĐT Hà Nội)

STT	Số báo danh	Phòng	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí đăng ký thi tuyển	Điểm thi Vòng 2	Điểm phúc khảo	Điểm chính thức
1	E3103	P098	Nguyễn Thị Thu Hiền	15/03/1992	Giáo viên Địa lý	58.3	58.5	58.3
2	E1604	P097	Nguyễn Hoàng Thắng	22/03/1997	Giáo viên Địa lý	65.5	65.5	65.5
3	E3113	P098	Nguyễn Thị Thắm	18/06/1993	Giáo viên Địa lý	58.3	58.5	58.3
4	E1204	P097	Nguyễn Thị Hương	06/11/1996	Giáo viên Địa lý	64.5	66.5 ^(*)	66.5 ^(*)
5	E0593	P096	Trần Ngọc Phong	26/10/1993	Giáo viên Địa lý	60.2	60.5	60.2
6	E1206	P097	Nguyễn Minh Hoàng	22/03/1997	Giáo viên Địa lý	60	60	60
7	E1141	P096	Phạm Thị Ngọc Diệp	22/05/1996	Giáo viên Địa lý	60.8	61	60.8
8	E0376	P095	Phạm Thị Huyền	10/08/1997	Giáo viên Địa lý	61.75	62	61.75
9	E3265	P098	Đỗ Thị Kiều Trang	06/08/1991	Giáo viên Địa lý	59.5	59.5	59.5
10	E0898	P096	Nguyễn Thị Hạnh	09/04/1996	Giáo viên Địa lý	57	57	57
11	E0720	P096	Ngô Thanh Huyền	18/12/1996	Giáo viên Địa lý	64.5	64.5	64.5
12	E2342	P075	Bùi Thị Luyến	25/07/1989	Giáo viên Giáo dục công dân	70.5	70.5	70.5
13	E0818	P074	Bùi Thị Thúy Dung	10/04/1997	Giáo viên Giáo dục công dân	74.8	74.5	74.8
14	E3825	P076	Nguyễn Thị Thu Huyền	16/12/1994	Giáo viên Giáo dục công dân	68.5	68.5	68.5
15	E2866	P110	Vũ Ngọc Minh	18/03/1996	Giáo viên Giáo dục Quốc phòng - An ninh	47.3	47.5	47.3
16	E1246	P109	Đỗ Bá Minh	20/03/1995	Giáo viên Giáo dục Quốc phòng - An ninh	45.5	45	45.5
17	E0769	P108	Phạm Thị Hoa	26/08/1991	Giáo viên Giáo dục Quốc phòng - An ninh	65.7	65.5	65.7
18	E0768	P108	Vũ Thị Hằng	26/09/1991	Giáo viên Giáo dục Quốc phòng - An ninh	55.5	54.5	55.5
19	E2781	P039	Đặng Kim Ngọc	26/12/1996	Giáo viên Hóa học	75.8	74.5	75.8
20	E2796	P040	Trần Văn Quang	25/05/1995	Giáo viên Hóa học	73	75	73
21	E1868	P035	Đặng Thu Huyền	03/12/1996	Giáo viên Hóa học	59	59.5	59
22	E2207	P037	Bùi Thị Nga	07/01/1993	Giáo viên Hóa học	64.8	65	64.8
23	E2198	P036	Nguyễn Thị Thúy Hương	26/08/1987	Giáo viên Hóa học	64	64.5	64

STT	Số báo danh	Phòng	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí đăng ký thi tuyển	Điểm thi Vòng 2	Điểm phúc khảo	Điểm chính thức
24	E2244	P038	Nguyễn Thị Thanh Toan	30/08/1992	Giáo viên Hóa học	43	43	43
25	E1482	P033	Nguyễn Thị Quỳnh Thơ	18/03/1994	Giáo viên Hóa học	69.3	69.5	69.3
26	E1472	P033	Nguyễn Ngọc Mạnh	05/09/1997	Giáo viên Hóa học	54.5	54.5	54.5
27	E3325	P042	Ngô Anh Bằng	16/10/1992	Giáo viên Hóa học	64	63.5	64
28	E3483	P043	Chu Thị Nhung	22/11/1997	Giáo viên Hóa học	70.5	69.5	70.5
29	E1818	P034	Lương Thị Luyến	04/11/1994	Giáo viên Hóa học	71.5	70.5	71.5
30	E1804	P034	Lương Thị Dịu	12/12/1997	Giáo viên Hóa học	51	52.5	51
31	E1164	P103	Nguyễn Thị Lan Hương	26/10/1997	Giáo viên Kỹ thuật Công nghiệp	46.3	46.5	46.3
32	E0726	P103	Cao Thị Hằng	05/08/1995	Giáo viên Kỹ thuật Công nghiệp	53	53	53
33	E0730	P103	Nguyễn Thị Thanh Phương	08/12/1992	Giáo viên Kỹ thuật Công nghiệp	45.5	45.5	45.5
34	E3208	P080	Đinh Thị Sự	10/02/1989	Giáo viên Lịch sử	65	65	65
35	E0578	P077	Nguyễn Mạnh Hùng	20/03/1990	Giáo viên Lịch sử	69.3	69.75	69.3
36	E1572	P078	Nguyễn Thị Thu Trang	19/03/1995	Giáo viên Lịch sử	71.5	71.5	71.5
37	E0422	P077	Nguyễn Thị Lôi	16/05/1985	Giáo viên Lịch sử	71.8	72.75	71.8
38	E0415	P077	Lê Thị Hồng Hạnh	19/10/1995	Giáo viên Lịch sử	70.5	70.5	70.5
39	E2609	P080	Ngô Thị Mai	09/01/1994	Giáo viên Lịch sử	70.3	70	70.3
40	E2414	P079	Nguyễn Thị Hà	11/05/1989	Giáo viên Lịch sử	74	74	74
41	E3743	P081	Đinh Thị Hồng Hạnh	11/11/1985	Giáo viên Lịch sử	69	69	69
42	E1608	P078	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/10/1997	Giáo viên Lịch sử	71	71	71
43	A0032	P114	Nguyễn Thị Hà Thu	01/10/1995	Giáo viên Mầm non	66.5	66	66.5
44	A0126	P115	Ngô Thanh Thảo	19/09/1993	Giáo viên Mầm non	68.5	68	68.5
45	A0102	P115	Hoàng Kim Ngân	24/09/1993	Giáo viên Mầm non	68	67.5	68
46	A0150	P116	Ngô Thị Thu Vân	16/12/1995	Giáo viên Mầm non	58.5	59	58.5
47	E1702	P047	Kiều Thị Giang	12/07/1991	Giáo viên Ngữ văn	57.3	57	57.3
48	E1710	P047	Nguyễn Thị Thanh Tâm	13/12/1995	Giáo viên Ngữ văn	51	51	51
49	E2824	P051	Nguyễn Thùy Dung	02/01/1996	Giáo viên Ngữ văn	61.3	61	61.3
50	E2845	P051	Bùi Thị Thu Trang	29/10/1994	Giáo viên Ngữ văn	57	57	57
51	E3099	P052	Lê Thị Huệ	03/05/1986	Giáo viên Ngữ văn	55	55	55

Đã

STT	Số báo danh	Phòng	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí đăng ký thi tuyển	Điểm thi Vòng 2	Điểm phúc khảo	Điểm chính thức
52	E2519	P049	Phạm Thị Ngọc	27/11/1994	Giáo viên Ngữ văn	63.5	63.5	63.5
53	E2500	P049	Nguyễn Thị Thu Hà	16/11/1991	Giáo viên Ngữ văn	58.8	58.5	58.8
54	E1583	P046	Hồ Thị Bình	15/06/1987	Giáo viên Ngữ văn	55.8	55.5	55.8
55	E3192	P052	Nguyễn Thị Bích Liên	16/06/1979	Giáo viên Ngữ văn	60	59.5	60
56	E2297	P048	Trịnh Thùy Linh	16/10/1990	Giáo viên Ngữ văn	55.3	55	55.3
57	E2306	P048	Đinh Thị Phương	04/05/1990	Giáo viên Ngữ văn	49	49	49
58	E2284	P048	Nguyễn Thị Hoàng Anh	20/08/1996	Giáo viên Ngữ văn	34.3	34	34.3
59	E0795	P045	Lê Mai Phượng	31/08/1997	Giáo viên Ngữ văn	45.5	45	45.5
60	E3686	P054	Nguyễn Thị Quỳnh	10/06/1992	Giáo viên Ngữ văn	58.8	58.75	58.8
61	E3679	P054	Dương Thị Thu Huyền	06/06/1988	Giáo viên Ngữ văn	45	45	45
62	E1541	P046	Lê Thị Nga	08/08/1991	Giáo viên Ngữ văn	60.3	60	60.3
63	E1518	P046	Hoàng Thị Hoa	14/06/1990	Giáo viên Ngữ văn	56.5	56.5	56.5
64	E3904	P055	Bùi Thị Loan	02/12/1994	Giáo viên Ngữ văn	50.5	50	50.5
65	E1653	P047	Nguyễn Thị Quỳnh	14/08/1992	Giáo viên Ngữ văn	63	63	63
66	E1783	P047	Nguyễn Ngọc Trâm	13/05/1996	Giáo viên Ngữ văn	60.8	60	60.8
67	E2397	P048	Trịnh Hồng Nhung	20/10/1982	Giáo viên Ngữ văn	46.5	46	46.5
68	E3354	P053	Hoàng Thị Thu Hằng	15/10/1997	Giáo viên Ngữ văn	60.3	60	60.3
69	E3360	P053	Nguyễn Thị Nga	09/07/1992	Giáo viên Ngữ văn	59.3	59	59.3
70	E3362	P053	Trần Tuệ Ninh	20/06/1989	Giáo viên Ngữ văn	55.8	55	55.8
71	E3508	P054	Đàm Thùy Linh	25/10/1997	Giáo viên Ngữ văn	50.5	50	50.5
72	E3503	P053	Lê Thị Dung	01/01/1991	Giáo viên Ngữ văn	29.5	29	29.5
73	E1676	P047	Nguyễn Thị Hiền	27/06/1991	Giáo viên Ngữ văn	52.3	52	52.3
74	E3013	P051	Lê Thị Ban	29/12/1992	Giáo viên Ngữ văn	59.5	59.5	59.5
75	E3089	P071	Ngô Thị Ngọc Ánh	24/08/1997	Giáo viên Sinh học	64.3	64.5	64.3
76	E1190	P070	Phạm Thị Thu Huyền	08/11/1993	Giáo viên Sinh học	59	58	59
77	E1182	P070	Trần Thị Ngọc Ánh	06/03/1995	Giáo viên Sinh học	59	59.5	59
78	E2268	P071	Nguyễn Thị Huyền	16/02/1993	Giáo viên Sinh học	63.5	62	63.5
79	E2279	P071	Trần Thị Kiều Trang	17/11/1997	Giáo viên Sinh học	52.5	53.5	52.5

h

STT	Số báo danh	Phòng	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí đăng ký thi tuyển	Điểm thi Vòng 2	Điểm phúc khảo	Điểm chính thức
80	E3239	P072	Phạm Thị Thu	02/07/1995	Giáo viên Sinh học	66	66	66
81	E1492	P070	Khuất Thị Hằng	02/03/1996	Giáo viên Sinh học	57.5	57.5	57.5
82	E3892	P073	Bùi Hồng Thảo	05/10/1992	Giáo viên Sinh học	52.5	52.5	52.5
83	E0409	P067	Tô Thị Hải Yến	24/04/1994	Giáo viên Sinh học	60.3	60.25	60.3
84	E0527	P067	Bùi Thị Bích	01/05/1994	Giáo viên Sinh học	63.3	63	63.3
85	E1038	P069	Nguyễn Văn Thanh	15/04/1986	Giáo viên Sinh học	54	54.25	54
86	E0677	P068	Nguyễn Thị Hoa	27/10/1994	Giáo viên Sinh học	61.8	62.5	61.8
87	E3426	P102	Nguyễn Bá Hoạt	20/12/1995	Giáo viên Thể dục	56.8	56.5	56.8
88	E3437	P102	Phan Thị Việt	09/08/1990	Giáo viên Thể dục	44	44	44
89	E0612	P100	Hoàng Gia Trường	12/07/1990	Giáo viên Thể dục	54.3	54.5	54.3
90	E1576	P101	Khuất Hoàng Giang	22/11/1994	Giáo viên Thể dục	49	49	49
91	E0903	P100	Nguyễn Văn Hùng	29/11/1997	Giáo viên Thể dục	44.5	44.5	44.5
92	E3381	P102	Nguyễn Doãn Mừng	01/02/1993	Giáo viên Thể dục	55.8	55.5	55.8
93	E3701	P102	Đỗ Anh Thao	03/01/1991	Giáo viên Thể dục	44.8	44.5	44.8
94	E2894	P102	Trần Anh Hiền	10/06/1993	Giáo viên Thể dục	36.3	36.5	36.3
95	E1892	P101	Nguyễn Công Huân	18/12/1991	Giáo viên Thể dục	49	49	49
96	E4117	P065	Nguyễn Bảo Linh	08/05/1994	Giáo viên Tiếng Anh	48.8	48.5	48.8
97	E4119	P065	Đào Thị Thu Hương	16/02/1989	Giáo viên Tiếng Anh	47.5	47	47.5
98	E4063	P063	Nguyễn Phương Anh	15/04/1996	Giáo viên Tiếng Anh	54.3	53.5	54.3
99	E3966	P060	Nguyễn Thị Kim Ngân	24/01/1997	Giáo viên Tiếng Anh	48	47.5	48
100	E3964	P060	Trần Hồng Hạnh	12/10/1997	Giáo viên Tiếng Anh	44.5	44.5	44.5
101	E3853	P058	Đào Thị Sáng	06/04/1985	Giáo viên Tiếng Anh	49	48.5	49
102	E4021	P062	Lê Đức Thành	21/11/1979	Giáo viên Tiếng Anh	45	44	45
103	E3978	P060	Phạm Thị Hồng Thắm	26/07/1988	Giáo viên Tiếng Anh	56.5	55.5	56.5
104	E3974	P060	Nguyễn Thị Thùy Linh	26/12/1989	Giáo viên Tiếng Anh	54.5	55.5	54.5
105	E4042	P062	Trần Thị Phương Thúy	31/10/1988	Giáo viên Tiếng Anh	48.5	47.5	48.5
106	E4110	P064	Nguyễn Thanh Vân	04/09/1996	Giáo viên Tiếng Anh	49.3	48.5	49.3
107	E4144	P065	Lê Thị Hằng	04/06/1980	Giáo viên Tiếng Anh	45.8	44	45.8

(Chữ ký)

STT	Số báo danh	Phòng	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí đăng ký thi tuyển	Điểm thi Vòng 2	Điểm phúc khảo	Điểm chính thức
108	E3948	P059	Nguyễn Thị Thanh Nga	09/11/1987	Giáo viên Tiếng Anh	46.3	47	46.3
109	E3982	P060	Hoàng Thị Thủy	12/06/1991	Giáo viên Tiếng Anh	49.8	49	49.8
110	E4097	P064	Trần Thúy Quỳnh	23/03/1991	Giáo viên Tiếng Anh	49.8	49.5	49.8
111	E3818	P057	Lê Thị Tố Uyên	07/08/1993	Giáo viên Tiếng Anh	39	38	39
112	E3772	P056	Nguyễn Phương Anh	01/05/1989	Giáo viên Tiếng Anh	54.5	54.5	54.5
113	E3783	P056	Hoàng Thùy Phương	26/04/1988	Giáo viên Tiếng Anh	50.5	51.5	50.5
114	E3984	P061	Phạm Thúy Hiền	28/06/1997	Giáo viên Tiếng Anh	49.5	49.5	49.5
115	E3875	P059	Vũ Thị Tuyết	03/03/1991	Giáo viên Tiếng Anh	49	49.5	49
116	E3868	P058	Nguyễn Ngọc Linh	25/01/1995	Giáo viên Tiếng Anh	44.3	42.5	44.3
117	E3870	P058	Doãn Thị Nga	21/05/1989	Giáo viên Tiếng Anh	43.3	43	43.3
118	E4126	P065	Lê Thị Dung	14/11/1990	Giáo viên Tiếng Anh	49.3	49	49.3
119	E4130	P065	Đỗ Thị Thanh Loan	07/11/1994	Giáo viên Tiếng Anh	47.8	48.5	47.8
120	E4017	P061	Nguyễn Thị Phương Trang	30/08/1995	Giáo viên Tiếng Anh	47	47	47
121	E4159	P066	Võ Thị Chinh	06/11/1990	Giáo viên Tiếng Anh	42.5	43	42.5
122	E0537	P105	Nguyễn Thị Thu Huyền	05/08/1988	Giáo viên Tin học	47.2	47.25	47.2
123	E3845	P107	Vũ Ngọc Hòa	18/12/1985	Giáo viên Tin học	41.2	41.5	41.2
124	E0981	P106	Nguyễn Thu Trang	22/08/1997	Giáo viên Tin học	53.2	53.75	53.2
125	E0342	P105	Đỗ Thị Minh Anh	19/04/1995	Giáo viên Tin học	57.5	57.5	57.5
126	E0345	P105	Ngô Hương Ly	30/06/1994	Giáo viên Tin học	42.3	42.25	42.3
127	E0816	P105	Trần Hà Phương	11/08/1993	Giáo viên Tin học	53.4	53.25	53.4
128	E1900	P106	Nguyễn Thị Tuyết Mai	30/10/1994	Giáo viên Tin học	50.8	50.5	50.8
129	E3076	P026	Đào Thị Thảo	12/09/1992	Giáo viên Toán học	51	51	51
130	E4121	P032	Đinh Thị Quỳnh	13/04/1991	Giáo viên Toán học	56	55.5	56
131	E2479	P020	Đinh Thị Yến	24/09/1986	Giáo viên Toán học	48.5	48.5	48.5
132	E1254	P010	Đặng Thắng Lợi	02/03/1995	Giáo viên Toán học	64	63.5	64
133	E1250	P010	Triệu Minh Hà	25/07/1991	Giáo viên Toán học	66	66	66
134	E2905	P024	Nguyễn Mạnh Khương	25/09/1995	Giáo viên Toán học	61	60.5	61
135	E2906	P024	Nguyễn Khánh Linh	29/01/1996	Giáo viên Toán học	33.5	33	33.5

STT	Số báo danh	Phòng	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí đăng ký thi tuyển	Điểm thi Vòng 2	Điểm phúc khảo	Điểm chính thức
136	E1864	P017	Trần Thị Thùy Trang	24/02/1996	Giáo viên Toán học	52.5	52.5	52.5
137	E1854	P016	Ngô Thị Nhung	21/09/1996	Giáo viên Toán học	47	47	47
138	E0987	P006	Lê Thị Dung	08/06/1984	Giáo viên Toán học	55.8	55.5	55.8
139	E1020	P007	Ngô Thị Thiên Trang	19/01/1995	Giáo viên Toán học	45	45	45
140	E1936	P018	Lê Thị Huyền	19/05/1995	Giáo viên Toán học	55.5	55.5	55.5
141	E1959	P018	Vũ Kiều Oanh	24/05/1992	Giáo viên Toán học	50	50	50
142	E1986	P019	Nguyễn Thanh Tùng	21/09/1996	Giáo viên Toán học	50.5	50.5	50.5
143	E3270	P027	Lê Thu Thùy	27/10/1995	Giáo viên Toán học	38.5	38.5	38.5
144	E2645	P021	Nguyễn Hà Phương	24/10/1996	Giáo viên Toán học	60	59.5	60
145	E2617	P020	Đào Thị Quỳnh Anh	23/05/1992	Giáo viên Toán học	55	55.5	55
146	E3607	P031	Nguyễn Thị Như Quỳnh	24/05/1997	Giáo viên Toán học	62	61.5	62
147	E3608	P031	Đỗ Hồng Sơn	13/10/1996	Giáo viên Toán học	52	52	52
148	E3881	P032	Nguyễn Thị Nhung	29/08/1991	Giáo viên Toán học	49.5	49.5	49.5
149	E1373	P013	Lê Thị Phương	01/11/1997	Giáo viên Toán học	47	47	47
150	E1114	P009	Hoàng Phương Thúy	01/09/1995	Giáo viên Toán học	58.7	58.5	58.7
151	E1097	P008	Hoàng Bích Ngọc	23/09/1990	Giáo viên Toán học	56.5	56.5	56.5
152	E1063	P007	Trần Văn Minh Chiến	13/09/1991	Giáo viên Toán học	55.8	55.5	55.8
153	E1090	P008	Nguyễn Đức Mạnh	10/06/1997	Giáo viên Toán học	41.3	41.5	41.3
154	E3552	P029	Cao Thị Hiền	10/02/1988	Giáo viên Toán học	62	62	62
155	E0372	P001	Nguyễn Hải Yến	09/10/1992	Giáo viên Toán học	46	46	46
156	E0841	P004	Nguyễn Thị Hoa	28/07/1988	Giáo viên Toán học	55.3	55	55.3
157	E1289	P011	Nguyễn Chính Tâm	07/01/1988	Giáo viên Toán học	52.3	52	52.3
158	E1265	P010	Nguyễn Thị Lan Anh	04/11/1991	Giáo viên Toán học	51	51	51
159	E3303	P028	Lương Thị Hai	06/02/1995	Giáo viên Toán học	52.5	52.5	52.5
160	E3300	P027	Vũ Linh Chi	24/01/1991	Giáo viên Toán học	52	52	52
161	E0441	P001	Hoàng Thị Phương Anh	15/03/1994	Giáo viên Toán học	56	56	56
162	E3451	P029	Vũ Thị Yến	23/03/1993	Giáo viên Toán học	60	60	60
163	E1746	P015	Phạm Thuý Linh	12/09/1993	Giáo viên Toán học	55.5	55.5	55.5

STT	Số báo danh	Phòng	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí đăng ký thi tuyển	Điểm thi Vòng 2	Điểm phúc khảo	Điểm chính thức
164	E1744	P015	Đỗ Quỳnh Hoa	16/08/1995	Giáo viên Toán học	33.3	33	33.3
165	E1663	P014	Nguyễn Thị Huyền	04/07/1991	Giáo viên Toán học	55.7	55.5	55.7
166	E1802	P016	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	23/06/1997	Giáo viên Toán học	56	56	56
167	E1801	P016	Phạm Thị Mai Trang	14/10/1990	Giáo viên Toán học	54.5	54.5	54.5
168	E1788	P015	Đào Thị Thanh Dung	10/05/1994	Giáo viên Toán học	53.8	53.5	53.8
169	E2697	P023	Vũ Minh Phụng	13/02/1982	Giáo viên Toán học	58.5	58.5	58.5
170	E0645	P003	Lưu Thị Kim Oanh	20/10/1997	Giáo viên Toán học	53.3	53	53.3
171	E0929	P005	Lê Văn Thúc	08/06/1992	Giáo viên Toán học	50.5	50.5	50.5
172	E0920	P004	Phạm Văn Mạnh	07/08/1997	Giáo viên Toán học	45.8	45.5	45.8
173	E3418	P094	Nguyễn Đình Quảng	14/02/1986	Giáo viên Vật lý	56	56	56
174	E3411	P094	Nguyễn Thị Hoa	22/05/1993	Giáo viên Vật lý	34.75	34.5	34.75
175	E2953	P093	Tạ Đình Văn	04/03/1995	Giáo viên Vật lý	38	38	38
176	E2937	P093	Phùng Thị Thanh Huyền	18/10/1993	Giáo viên Vật lý	25.5	25.5	25.5
177	E2006	P087	Trương Thị Minh Châu	30/07/1995	Giáo viên Vật lý	60	60	60
178	E2030	P088	Nguyễn Mỹ Hạnh	24/11/1993	Giáo viên Vật lý	51.5	51.5	51.5
179	E2081	P090	Sái Thị Mến	06/02/1991	Giáo viên Vật lý	50.5	50.5	50.5
180	E2012	P088	Lương Thị Den	01/06/1994	Giáo viên Vật lý	48.8	49	48.8
181	E2094	P090	Nguyễn Kiều Oanh	19/07/1995	Giáo viên Vật lý	48	48	48
182	E3886	P095	Đinh Thị Hằng	13/06/1986	Giáo viên Vật lý	42.8	42.5	42.8
183	E1421	P084	Nguyễn Thị Hào	17/09/1993	Giáo viên Vật lý	46	46	46
184	E1447	P085	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/11/1989	Giáo viên Vật lý	43.5	43.5	43.5
185	E2573	P092	Trần Phương Thảo	09/11/1992	Giáo viên Vật lý	52.3	52	52.3
186	E2576	P092	Mạc Thị Thu	11/02/1995	Giáo viên Vật lý	51.3	51.5	51.3
187	E2571	P092	Lê Thị Lùng	30/07/1990	Giáo viên Vật lý	45	45	45
188	E0852	P083	Tạ Bá Cường	17/06/1991	Giáo viên Vật lý	51.5	51.5	51.5
189	E1736	P086	Nguyễn Thị Kim Thư	06/10/1995	Giáo viên Vật lý	55.5	55.5	55.5
190	E0500	P082	Nguyễn Ánh Ngọc	05/12/1997	Giáo viên Vật lý	69	69	69
191	E1167	P084	Lê Hữu Chiến	28/08/1994	Giáo viên Vật lý	52.5	52.5	52.5



STT	Số báo danh	Phòng	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí đăng ký thi tuyển	Điểm thi Vòng 2	Điểm phúc khảo	Điểm chính thức
192	B0196	P113	Lê Thị Kim Oanh	03/02/1984	Nhân viên Thư viện	47.5	47.5	47.5
193	B0241	P113	Nguyễn Thúy An	05/10/1995	Nhân viên Thư viện	49.5	49.5	49.5
194	B0250	P112	Phạm Thị Hằng	02/12/1988	Nhân viên Văn thư	51	51	51
195	B0205	P111	Trần Anh Trường	06/11/1991	Nhân viên Văn thư	50.5	50.5	50.5

Ghi chú:

- (*) Bài thi này được chấm chung đợt đầu, giám khảo cộng sai điểm.
- Tại Mục c, Khoản 8, Điều 26. Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ quy định:
"Bài thi có điểm phúc khảo chênh lệch so với điểm chấm đợt đầu (đã công bố) từ 2,5 điểm trở lên thì được điều chỉnh điểm."